

Bản án số: 64/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 4 – 2026

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Vân Anh.

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Dương Văn Sinh.

Bà Nguyễn Thị Mai.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường L, thành phố Hải Phòng.

Căn cước công dân số: 03017301XXXX; cấp ngày: 02/11/2023; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- **Bị đơn:** Ông Mai Đình N1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường L, thành phố Hải Phòng.

Căn cước công dân số: 03006900XXXX; cấp ngày: 20/3/2017; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Bà N vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt, ông N1 vắng mặt không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà và ông Mai Đình N1 được tự do tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Hưng (nay là phường L, thành phố Hải Phòng) vào ngày 10/6/1991. Sau khi kết hôn, ông bà cùng về chung sống tại nhà bố mẹ chồng. Vợ chồng chung sống hòa thuận trong vòng 01 năm đầu, còn lại cho đến nay là hơn 35 năm thì "com không lành canh không ngọt", vợ chồng không có tiếng nói chung. Ông N1 không tôn trọng bà, nhiều lần xúc phạm bà cả về thể chất và tinh thần trong thời gian dài, số lần không thể kể hết.

Năm 2025 bà đã nộp đơn ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N1, nhưng vì thương các con nên bà đã rút đơn. Tuy nhiên sau đó ông N1 không thay đổi, vẫn giữ tính gia trưởng, ích kỷ, độc đoán, thường xuyên chửi mắng bà. Hiện tại bà và ông N1 sống ly thân, tuy vẫn ở cùng nhà nhưng mỗi người một phòng vì ông N1 nhiều lần đòi đoạt tính mạng bà, khoảng tháng 5/2025 ông N1 mua xăng về định đốt nhà. Tình trạng hôn nhân giữa bà và ông N1 gia đình làng xóm đều biết, bà nhẫn nhịn chịu đựng sống chung với ông N1 hơn 35 năm qua là vì thương các con, tuy nhiên nay bà nhận thấy đến tuổi này bà không còn sức lực chịu đựng được nữa, do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Mai Thị T sinh ngày 03/6/1993 và Mai Đình Q sinh ngày 25/01/1994. Thực tế, chị Mai Thị T sinh ngày 03/6/1992. Khi chị T học mẫu giáo, do khả năng tiếp thu chậm hơn so với các bạn cùng trang lứa nên gia đình có nguyện vọng cho chị học lại 01 năm để theo kịp. Tuy nhiên, do quy định về độ tuổi vào lớp 1 không được nhập học muộn, nên gia đình đã thực hiện thủ tục đăng ký lại khai sinh cho chị, trong đó ghi năm sinh là 03/6/1993 để đủ điều kiện nhập học. Gia đình đã đến Ủy ban nhân dân cấp xã để làm thủ tục cấp lại Giấy khai sinh cho chị T. Đến nay, các giấy tờ nhân thân của chị Mai Thị T đều thể hiện ngày sinh là 03/6/1993. Hiện nay, các con chung của vợ chồng đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà nhận được thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Tòa, ngay sau khi nhận được văn bản, bà có chụp hình gửi cho ông N1, ông N1 có nhắn lại cho bà, bà có cung cấp ảnh chụp màn hình tin nhắn cho Tòa.

Tại biên bản lấy lời khai bà N trình bày bổ sung: Ngoài mâu thuẫn như đã trình bày trong bản tự khai thì ông bà không có mâu thuẫn nào khác. Mâu thuẫn vợ chồng bà phát sinh ngay từ sau khi kết hôn và kéo dài cho đến nay. Trước đây, bà đã nhiều lần có ý định làm đơn xin ly hôn ông N1 nhưng do lo ngại việc Tòa án giải quyết về con chung nên bà tiếp tục nhẫn nhịn, không nộp đơn. Vợ chồng đã được gia đình hai bên động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên bà đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2004 đến tháng 10/2023 thì về nước. Từ khi bà về nước đến nay, cuộc sống hôn nhân của bà không có ngày nào được hạnh phúc, bà làm việc gì ông N1 cũng không vừa lòng, thường xuyên chửi mắng bà. Quá trình xảy ra mâu thuẫn, ông N1 đã nhiều lần đánh bà, nhưng không có lần nào bà phải đi viện. Khoảng cuối tháng 5/2025, ông N1 có đánh bà, mua xăng về dọa đốt nhà, bà đã báo Công an phường Đ (nay là phường L) xuống nhà để giải quyết, tại buổi làm việc Công an phường đã tiến hành hòa giải chứ không lập biên bản xử lý vụ việc. Việc mâu thuẫn của ông bà gia đình hai bên, hàng xóm và các con bà đều biết. Từ khi xảy ra mâu thuẫn, bà chưa bỏ nhà đi lần nào, song có nhiều lần bà có ý định tự tử, nhưng vì thương các con nên bà không thực hiện. Đến nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông N1, việc bà nhẫn nhịn sống chung với ông N1 suốt 35 năm qua chỉ là vì thương các con. Bà xét thấy cuộc sống chung với ông N1 không thể tiếp tục kéo dài nên giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông N1. Do bà bận công việc không thể có mặt tại Tòa án nên bà xin vắng mặt trong tất cả các phiên tòa xét xử vụ án.

*\* Bị đơn ông Mai Đình N1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc, đồng thời không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc giải quyết vụ án cho Tòa án.*

*\* Chị Trần Thị T1 (con dâu bà N và ông N1) cung cấp:*

Chị là con dâu của bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973 và ông Mai Đình N1, sinh năm 1969. Theo chị được biết, bà N và ông N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị kết hôn với anh Mai Đình Q (con trai của ông N1 và bà N) và về chung sống cùng gia đình nhà chồng từ năm 2021 tại tổ dân phố M. Trong quá trình chung sống, chị nhận thấy giữa ông N1 và bà N thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống; ông N1 có hành vi chửi mắng, xúc phạm, gây áp lực về tinh thần đối với bà N. Khoảng tháng 5/2025, do không đồng ý với việc bà N xin ly hôn, chị thấy ông N1 mua xăng về nhà nhằm gây áp lực tinh thần đối với bà N. Sự việc này được người dân xung quanh và chính quyền địa phương biết. Chị biết về mâu thuẫn giữa ông N1 và bà N từ khi chị về làm dâu và do thỉnh thoảng bà N có tâm

sự với chị. Nay bà N có đơn xin ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà N, ông N1 đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Bà N và ông N1 đều có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố M, phường L, thành phố Hải Phòng. Ông bà kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Hưng (nay là phường L, thành phố Hải Phòng) vào năm 1991. Quá trình ông bà chung sống, địa phương không nắm được mâu thuẫn hôn nhân giữa ông bà. Hiện tại ông bà vẫn đang sống cùng nhà. Nay là N có đơn xin ly hôn ông N1, đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của ông bà và quy định pháp luật để giải quyết. Về con chung, bà N và ông N1 có 02 con chung đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh bình thường nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: Địa phương không nắm được.

Do ông N1 đi làm, Tòa án không tiến hành tổng đạt trực tiếp các văn bản cho ông N1 được nên Tòa án và địa phương có tiến hành niêm yết thông báo thụ lý và các văn bản của Tòa theo quy định pháp luật.

Tại biên bản làm việc ngày 08/4/2026 ông Phạm Bá T2 là tổ trưởng tổ dân phố M xác nhận địa phương đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho ông Mai Đình N1, ông N1 đã nhận các văn bản và không có ý kiến gì. Ông N1 đồng thời cũng không đến Tòa án để làm việc và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án, đó là việc cá nhân của ông N1.

\* Tại Công văn số 2296/XNC-Đ1 ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng thể hiện: Qua tra cứu trên cơ sở dữ liệu, Phòng Quản lý xuất nhập cảnh không thấy thông tin xuất nhập cảnh của ông Mai Đình N1.

\* Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Mai Đình N1.  
Về con chung: Bà N và ông N1 có 02 con chung là Mai Thị T sinh ngày 03/6/1993 và Mai Đình Q sinh ngày 25/01/1994. Hiện tại các con đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh bình thường, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét, giải quyết về con chung. Về tài sản chung: Không đề nghị giải quyết. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng giải quyết việc ly hôn giữa bà và ông Mai Đình N1. Bị đơn ông Mai Đình N1 hiện đang sinh sống tại Tổ dân phố M, phường L, thành phố Hải Phòng. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, do không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp cho ông Mai Đình N1, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng có liên quan cho ông N1 theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa lần thứ hai bà N đề nghị xét xử vắng mặt, ông N1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Mai Đình N1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hải Hưng (nay là phường L, thành phố Hải Phòng) vào ngày 10/6/1991 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của đương sự trong vụ án xác định: Mâu thuẫn hôn nhân giữa bà N và ông N1 đã phát sinh từ lâu và kéo dài trong nhiều năm. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông N1 không quan tâm, yêu thương, tôn trọng bà N, thường xuyên có lời lẽ chửi mắng, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà N, thậm chí có hành vi bạo lực gia đình, đe dọa đến tính mạng, gây tổn hại nghiêm trọng về tinh thần cho bà N. Do mâu thuẫn càng tăng nên vào năm 2025 bà N đã nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông N1, sau đó vì thương các con nên bà rút đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân khu

vực 9 – Hải Phòng đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 17/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2025. Tuy nhiên sau khi vợ chồng đoàn tụ thì tình trạng mâu thuẫn vẫn không được cải thiện mà tiếp tục diễn biến căng thẳng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến nay ông bà đã sống ly thân, không còn sinh hoạt chung, đời sống chung thực tế không còn tồn tại. Lời trình bày của bà N về tình trạng hôn nhân là phù hợp với lời khai của người làm chứng có trong hồ sơ vụ án.

Ông N1 đã được thông báo về việc Tòa án nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng đang giải quyết vụ án ly hôn giữa ông và bà N, nhưng ông không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện, đồng thời cũng không đưa ra biện pháp để khắc phục mâu thuẫn và hàn gắn quan hệ hôn nhân. Bà N xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho bà Nguyễn Thị N ly hôn ông Mai Đình N1 là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Bà N và ông N1 có 02 con chung là Mai Thị T sinh ngày 03/6/1993 và Mai Đình Q sinh ngày 25/01/1994. Hiện tại các con đều đã đủ 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh bình thường, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét, giải quyết về con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị N ly hôn ông Mai Đình N1.
2. Về quan hệ con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.
3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0000028 ngày 05 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
4. Về quyền kháng cáo: Bà N, ông N1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 9 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường L, TP. Hải Phòng (ĐK Số: 22 ngày 10/6/1991);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Vân Anh**